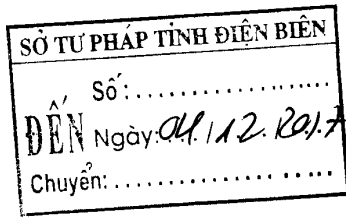


Số: 36 /2017/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 28 tháng 11 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định Quy trình công nhận sáng kiến
trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng; số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHHCN-BNV ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Quy trình công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 12 năm 2017 và thay thế Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc Ban hành Quy định Quy trình công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Khoa học và Công nghệ
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- TT. Tỉnh ủy,
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Trung tâm công báo;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^(NNT).

(b/c);

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mùa A Sơn

QUY ĐỊNH

Quy trình công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh Điện Biên
(Ban hành theo Quyết định số 36 /2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về điều kiện, thẩm quyền, trình tự thủ tục xét và công nhận sáng kiến cấp cơ sở, sáng kiến cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cá nhân, tập thể (đồng tác giả) là cán bộ công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị); các tổ chức, cá nhân người Việt Nam và các tổ chức, cá nhân người nước ngoài có sáng kiến được tạo ra và áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Điều kiện công nhận sáng kiến

Điều kiện công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ (Nghị định số 13/2012/NĐ-CP); cụ thể như sau:

1. Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp), được cơ sở công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có tính mới trong phạm vi cơ sở đó;
- b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực;
- c) Không thuộc đối tượng bị loại trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các đối tượng sau đây không được công nhận là sáng kiến:

- a) Giải pháp mà việc công bố, áp dụng giải pháp trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội;
- b) Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.

Điều 4. Đối tượng được công nhận là sáng kiến

Đối tượng được công nhận là sáng kiến thực hiện theo quy định tại Điều

3 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ (Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN), giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 của Điều lệ Sáng kiến.

Giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật được hiểu như sau:

1. Giải pháp kỹ thuật là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định, bao gồm:

a) Sản phẩm, dưới các dạng: vật thể (ví dụ: dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện); chất (ví dụ: vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm); vật liệu sinh học (ví dụ: chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen); hoặc giống cây trồng, giống vật nuôi;

b) Quy trình (ví dụ: quy trình công nghệ; quy trình chẩn đoán, dự báo, kiểm tra, xử lý, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; quy trình chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật...).

2. Giải pháp quản lý là cách thức tổ chức, điều hành công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp tổ chức công việc (ví dụ: bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu);

b) Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc.

3. Giải pháp tác nghiệp bao gồm các phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (ví dụ: Tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu);

b) Phương pháp thẩm định, giám định, tư vấn, đánh giá;

c) Phương pháp tuyên truyền, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện;

d) Phương pháp huấn luyện động vật;

4. Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

Điều 5. Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến

1. Cấp tỉnh

a) Sáng kiến đạt giải nhất, giải nhì, giải ba ở các cuộc thi sáng kiến, sáng tạo cấp tỉnh hoặc giải khuyến khích trở lên ở các cuộc thi sáng kiến, sáng tạo do các Bộ, ngành Trung ương tổ chức trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

b) Luận án Tiến sĩ có nội dung liên quan đến tỉnh; các luận án tiến sĩ có

thể áp dụng có hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn tỉnh, đã được bảo vệ thành công ở Hội đồng cấp Nhà nước, kể cả trong nước và ngoài nước (Đối với luận án tiến sĩ được bảo vệ thành công ở nước ngoài thì phải được cơ quan có thẩm quyền công nhận).

c) Bằng lao động sáng tạo do Tổng Liên đoàn Lao động cấp.

2. Cấp cơ sở

Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quy định nhưng không được trái với Quy định này và các quy định của pháp luật.

Chương II **HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN**

Điều 6. Hội đồng sáng kiến.

Hội đồng sáng kiến được thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN, cụ thể như sau:

1. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh

a) Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập để xét công nhận sáng kiến cấp tỉnh cho tác giả (hoặc đồng tác giả) đề nghị công nhận.

b) Tổ chức của Hội đồng gồm có: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên thư ký và các ủy viên Hội đồng.

c) Thành phần của Hội đồng gồm có: Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, lãnh đạo Sở Nội vụ; lãnh đạo Liên đoàn lao động tỉnh; Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Điện Biên; lãnh đạo Sở Ngoại vụ (nếu tác giả, đồng tác giả là cá nhân, tổ chức người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài) và tùy từng lĩnh vực áp dụng của sáng kiến được xét duyệt, cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định mời chuyên gia, nhà khoa học có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu về lĩnh vực sáng kiến đề nghị là thành viên chính thức của Hội đồng.

d) Số lượng thành viên của Hội đồng có 9 hoặc 11 thành viên do người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quyết định.

đ) Cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ.

e) Cá nhân là tác giả sáng kiến và những người tham gia tạo ra sáng kiến nếu là thành viên Hội đồng sáng kiến thì không được biểu quyết hoặc bỏ phiếu đối với sáng kiến của cá nhân hoặc đồng tác giả.

f) Tổ thư ký giúp việc Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh gồm:

Thư ký Hội đồng và thư ký hành chính: Là chuyên viên thực hiện công tác quản lý nhà nước về Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở.

a) Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở được thành lập tại các Sở, Ban, ngành, Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để xét công nhận sáng kiến cấp cơ sở cho tác giả (hoặc đồng tác giả) đề nghị công nhận. Người đứng đầu cấp cơ sở ra quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở.

b) Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở là cơ quan (hoặc bộ phận) Thường trực Hội đồng Thi đua khen thưởng cùng cấp. Đối với hội đồng sáng kiến cấp huyện, thị xã, thành phố thì cơ quan thường trực hội đồng sáng kiến là Phòng Kinh tế hoặc phòng Kinh tế và Hạ tầng.

c) Thành phần, số lượng thành viên Hội đồng

- Số lượng thành viên Hội đồng do người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quyết định.

- Thành phần Hội đồng sáng kiến gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng, ủy viên thư ký và các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức Công đoàn nơi tác giả là đoàn viên công đoàn (nếu có) và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

d) Cá nhân là tác giả sáng kiến và những người tham gia tạo ra sáng kiến nếu là thành viên Hội đồng sáng kiến thì không được biểu quyết hoặc bỏ phiếu đối với sáng kiến của cá nhân hoặc đồng tác giả.

3. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến, thì người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến không được là thành viên của Hội đồng sáng kiến.

Điều 7. Nhiệm vụ Hội đồng sáng kiến

1. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến: Tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến và lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả biểu quyết của Hội đồng.

2. Tổ chức xét duyệt, hoàn tất thủ tục hợp xét sáng kiến và thẩm tra, xác minh sáng kiến, trình cấp có thẩm quyền ra quyết định công nhận sáng kiến.

3. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến được công nhận.

Điều 8. Nhiệm vụ của các thành viên hội đồng, tổ thư ký hội đồng sáng kiến.

1. Các thành viên Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng.

Chủ trì các phiên họp của Hội đồng, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động

của Hội đồng trước UBND tỉnh và trước pháp luật.

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng.

Giúp Chủ tịch Hội đồng tổ chức các phiên họp xét, công nhận sáng kiến của Hội đồng. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng duy trì hoạt động của Hội đồng khi Chủ tịch Hội đồng ủy quyền, thay mặt Chủ tịch Hội đồng ký các văn bản của Hội đồng.

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc báo cáo sáng kiến, cải tiến kỹ thuật của các ngành, địa phương và cá nhân.

Tổng hợp ý kiến kết luận trong các cuộc họp của Hội đồng sáng kiến.

Giải quyết công việc thường xuyên giữa các phiên họp của Hội đồng; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khác do chủ tịch hội đồng phân công.

c) Phó Chủ tịch Hội đồng.

Giải quyết các công việc thường xuyên của Hội đồng sáng kiến; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.

d) Ủy viên Hội đồng

Tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng, nghiên cứu hồ sơ tài liệu liên quan để tham gia ý kiến cho các sáng kiến trong phiên họp của Hội đồng.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ thư ký Hội đồng

a) Thư ký Hội đồng

Ghi biên bản nội dung của từng cuộc họp Hội đồng, tổng hợp và dự thảo thông báo kết quả cuộc họp đảm bảo trung thực, chính xác, kịp thời.

b) Thư ký hành chính

- Chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu cần thiết phục vụ cho các kỳ họp của Hội đồng.

- Gửi tài liệu cho các thành viên Hội đồng sáng kiến trước kỳ họp ít nhất 05 ngày làm việc, đối với các cuộc họp định kỳ; trước 01 ngày đối với cuộc họp đột xuất.

c) Tổng hợp, phân loại sáng kiến

d) Nghiên cứu, thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến phục vụ các kỳ họp của Hội đồng.

Điều 9. Chế độ làm việc

1. Hội đồng sáng kiến họp định kỳ 02 lần/năm hoặc họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng quyết định triệu tập để xem xét hồ sơ công nhận sáng kiến. Riêng các đơn vị thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo thì việc đánh giá, xét công nhận sáng kiến theo năm học.

2. Thời gian họp Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định trên cơ sở thời hạn xét, công nhận sáng kiến quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số

13/2012/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày chấp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến hoặc từ ngày hoàn thành việc áp dụng lần đầu, nếu sáng kiến được áp dụng lần đầu sau khi đơn được chấp nhận. Cơ sở xét công nhận sáng kiến đánh giá đối tượng nêu trong đơn theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và thực hiện các thủ tục sau đây:

a) Công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến cho tác giả sáng kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Từ chối công nhận sáng kiến trong trường hợp đối tượng nêu trong đơn không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và thông báo bằng văn bản cho tác giả sáng kiến, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

3. Các Thành viên Hội đồng tham gia đầy đủ các kỳ họp, trừ trường hợp đặc biệt mà vắng mặt thì phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng và phải gửi phiếu nhận xét đánh giá (trong đó nêu rõ kết luận sáng kiến đạt hay không đạt) đến cơ quan thường trực của Hội đồng trước khi họp. Các kỳ họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự.

4. Hội đồng sáng kiến làm việc theo chế độ tập thể, Quyết định của Hội đồng được thông qua theo nguyên tắc biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín với ít nhất 2/3 ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng.

Điều 10. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở được đảm bảo từ nguồn kinh phí của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong dự toán chi hàng năm của đơn vị.

2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh được đảm bảo từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh.

3. Định mức chi của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh áp dụng mức chi như Hội đồng xét duyệt đề tài dự án cấp tỉnh; Định mức chi của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở áp dụng mức chi như Hội đồng xét duyệt đề tài, dự án cấp cơ sở theo Quy định hiện hành.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, TRÌNH TỰ XÉT, CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 11. Thẩm quyền công nhận sáng kiến

1. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp cơ sở là người đứng đầu cấp cơ sở (bao gồm: Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, thị xã, thành phố, giám đốc các Doanh nghiệp)

2. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp tỉnh là Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến thực hiện theo Khoản 4 Điều 7 của Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận;

b) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được Sở Khoa học và Công nghệ, tổ chức nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến chấp thuận.

4. Trường hợp đặc cách công nhận sáng kiến.

Sáng kiến thuộc các trường hợp đặc cách công nhận sáng kiến theo quy định tại Điều 5 Quy định này không phải thông qua họp Hội đồng xét công nhận sáng kiến. Cơ quan thường trực hội đồng sáng kiến trình người đứng đầu cơ sở hoặc UBND tỉnh quyết định công nhận.

Điều 12. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN.

Điều 13. Trình tự xét, công nhận sáng kiến

Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 6, Điều 7 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh

1. Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức Đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định về quy trình xét, công nhận sáng kiến được quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN và Quy định này, tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi đơn vị quản lý phát huy tính tự chủ, sáng tạo, có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả công tác. Định kỳ hàng năm, các cơ sở xét công nhận sáng kiến có trách nhiệm gửi báo cáo về hoạt động sáng kiến tại cơ sở (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01/8/2013) cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trình tự, thủ tục xét công nhận sáng kiến cấp cơ sở và cấp tỉnh.

b) Thực hiện các thủ tục tiếp nhận, phân loại, tổng hợp, rà soát và thẩm

định sơ bộ hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh, thông tin áp dụng sáng kiến, theo dõi quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

c) Gửi hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến đến thành viên Hội đồng nghiên cứu cho ý kiến nhận xét, đánh giá trước khi họp Hội đồng.

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.

e) Chuẩn bị nội dung, chương trình cuộc họp Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.

f) Thông báo kết quả phiên họp của Hội đồng đến các tổ chức, cá nhân có liên quan.

g) Hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến.

h) Đề xuất các cơ chế chính sách, các biện pháp phù hợp để khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, người lao động tham gia các hoạt động sáng tạo, góp phần phát huy năng lực của mỗi cá nhân mang lại lợi ích cho xã hội.

i) Hàng năm có trách nhiệm lập dự toán chi cho các hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh trong dự toán của ngành trình cấp có thẩm quyền xét duyệt.

3. Sở Nội vụ (Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh)

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ sở xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh và các cơ quan đơn vị liên quan căn cứ vào kết quả xét công nhận sáng kiến của Hội đồng sáng kiến các cấp để làm một trong những tiêu chí, căn cứ trong quy trình tham mưu cho UBND tỉnh xét, công nhận các danh hiệu thi đua cấp tỉnh và đề nghị cấp Nhà nước xét, công nhận danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này; báo cáo, đánh giá việc thực hiện Quy định này theo quy định của pháp luật.

2. Quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Mùa A Sơn